TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 11/2018/HNGĐ-PT Ngày: 31 - 5 - 2018 V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Phấn

Các Thẩm phán: Ông Lê H Sơn

Ông Nguyễn Hữu Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Xuân, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ph Nam – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 07 tháng 5 năm 2018 và ngày 31 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử công khai vụ án thụ lý số 10/2018/TLPT-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2018 về "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình"

Do bản án Dân sự sơ thẩm số 52/2017/HNĐ-ST ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện D, tỉnh Nghệ An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 10/2018/QĐPT-DS ngày 17 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Đinh Văn T, sinh năm 1978; Cư trú tại: Xóm 1, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Vũ Thị H, sinh năm 1983; Cư trú tại: Xóm 3, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Vũ Văn M, sinh năm 1957 (Bố chị H); Cư trú tại: xóm 3, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

2. Ông Đinh Thái G, sinh năm 1947 (Bố anh T)

3. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1950 (Vợ ông G)

Đều cư trú tại: xóm 1, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An. (Ông G, bà N có mặt ngày 07/5, vắng mặt ngày 31/5/2018).

- *Người kháng cáo*: Anh Đinh Văn T, nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm vụ án có nội dung:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 07/5/2017, các lời khai, hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm anh Đinh Văn T trình bày: Anh và chị Vũ Thị H đăng ký kết hôn với nhau ngày 10/3/2003 tại UBND xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, hợp pháp có tìm hiểu không ai bị ép buộc. Thời gian đầu hai vợ chồng chung sống hạnh phúc, bình thường, nhưng đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống nên hai người thường xuyên cãi vã và xúc phạm lẫn nhau. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng chị H không chịu đựng được và đến tháng 4/2017 chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay, cắt đứt mọi quan hệ. Nay anh xét thấy mâu thuẫn đã trầm trọng không khắc phục được, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn tiếp tục chung sống với nhau được nên anh T yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Vũ Thị H.

- Về con chung: Vợ chồng có 3 con chung Đinh Thị Ph, sinh ngày 16/7/2004; Đinh Thị Hồng L, sinh ngày 02/01/2008 và Đinh Văn Kh, sinh ngày 30/1/2012. Nay ly hôn anh T có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cả 3 con chung và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh T có nguyện vọng vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết, nhưng chị Vũ Thị H có đơn yêu cầu giải quyết tài sản nên anh T có ý kiến như sau:

Đối với thửa đất có diện tích 657,5m^2 tại thửa đất số 29, tờ bản đồ 44 theo GCN Quyền sử dụng đất số BS 222253 do UBND huyện D cấp ngày 17/10/2016. Thửa đất này là đất hương hỏa của gia đình anh, năm 2013 cha mẹ đẻ là ông Đinh Thái G và bà Nguyễn Thị Năm tặng cho riêng anh có hợp đồng tặng cho lập tại Văn phòng công chứng, nhưng đến năm 2016 khi cấp lại giấy chứng nhận QSD đất do không hiểu biết nên anh đã ký các thủ tục cấp giấy chứng nhận QSD đất mang tên cả hai vợ chồng. Nay ly hôn có anh T có nguyện vọng yêu cầu Tòa án thẩm định giá và anh T trích lại tiền cho chị H và anh nhận lại QSD đất trên.

Các tài sản chung khác nếu chị H yêu cầu Tòa án chia thì anh T nhất trí chia theo yêu cầu của chị H. Còn 01 con bò, một con me và một chiếc xe máy như chị H trình bày là không có, nhưng tại phiên tòa sơ thẩm anh T cũng nhất trí chia như chị H yêu cầu.

+ Tiền cho vay: Cho ông M vay 30.000.000 đồng, hiện ông M đang vay anh T yêu cầu chia đôi; khoản tiền cho chú Sỹ vay là tiền anh T vay của anh Trần Ngọc Phong ở xóm 1, D, D và đã trả cho anh Phong; khoản tiền cậu Sáu vay đã trả, nhưng anh T đã chi tiêu cuộc sống hàng ngày của gia đình hiện không còn.

Chị Vũ Thị H trình bày: Chị H thống nhất với anh T về thời gian, điều kiện và địa điểm đăng ký kết hôn. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc bình thường nhưng được một thời gian thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Ngoài ra giữa chị H và mẹ anh T cũng có mâu thuẫn, nên mâu thuẫn vợ chồng có lúc trầm trọng. Nay anh T làm đơn xin ly hôn chị H xét vợ chồng ở với nhau đã lâu, nên chị H có nguyện vọng vợ chồng về đoàn tụ để nuôi dạy con chung.

- Về con chung: Vợ chồng có 3 con chung Đinh Thị Ph, sinh ngày 16/7/2004; Đinh Thị Hồng L, sinh ngày 02/01/2008 và Đinh Văn Kh, sinh ngày 30/1/2012. Nay nếu ly hôn chị H có nguyện vọng nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Đinh Văn Kh, còn giao cháu Ph và cháu L cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và không ai cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

- Về tài sản: Quá trình giải quyết vụ án chị Vũ Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung của vợ chồng gồm:

+ Một thửa đất diện tịch 657,5m^2 tại thửa số 29, tờ bản đồ 44 theo GCN Quyền sử dụng đất số BS 222253 do UBND huyện D cấp ngày 17/10/2016.

+ Nhà ở cấp 4, 02 gian lát gạch; nhà bò, nhà lợn, sân vườn; sân trước 70m^2;

Giếng đào, sân giếng, máy bơm nước; nhà tắm; một nửa gara sân trước; gara sân giếng, bếp; xe máy 2 cái; xe lôi bò, xe lôi sản xuất; bò 01 con, me 01 con, lợn nái 02 con, đồ dùng trong nhà, tủ lạnh; ti vi, chảo; bếp ga; giường nằm 2 cái; đệm trải giường 2 cái; tủ đứng đơn 01 cái; lúa thu hoạch vụ đông xuân. Tổng giá trị tài sản là 322.500.000 đồng

+ Tiền cho vay: Cho ông M vay 30.000.000 đồng, chú Sỹ vay 110.000.000 đồng, cậu Sáu vay 50.000.000 đồng. Tổng cộng là 190.000.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản hai vợ chồng là 512.500.000 đồng

Về việc chia các tài sản: Đất đai đây là tài sản chung của hai vợ chồng, chị H có nguyện vọng chia đôi. Còn các loại tài sản chung khác của hai vợ chồng chị H có nguyện vọng chia đôi và chị H yêu cầu Tòa án xem xét thẩm định giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm anh T và chị H thống nhất thỏa thuận với nhau về các khoản nợ chung.

Tại bản án số 52/2017/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Nghệ An quyết định: Áp dụng khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 33, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14. Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Đinh Văn T được ly hôn chị Vũ Thị H.

- Về con chung: Giao con chung Đinh Thị Hồng L, sinh ngày 02/01/2008 và Đinh Văn Kh, sinh ngày 30/01/2012 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục; Giao con chung Đinh Thị Ph sinh ngày 16/7/2004 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị H đến khi anh T có yêu cầu. Hai bên có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm con, chăm sóc giáo dục con chung không ai được ngăn cản quyền này.

- Về tài sản chung: Giao cho anh Đinh Văn T được sở hữu sử dụng.

+ Một thửa đất diện tích 657,5m^2 tại thửa đất số 29, tờ bản đồ só 44, thuộc xóm 1, xã D, huyện D theo GCN Quyền sử dụng đất số BS 222253 do UBND huyện D cấp ngày 17/10/2016 có giá 700.000đ/1m^2 x 657,5m^2= 460.250.000đ.

+ Nhà ở cấp 4, 02 gian lợp ngói, lát gạch trị giá 56.000.000 đồng; Nhà tắm đổ bằng giá 8.000.000 đồng; Mái tôn sân trước và sau nhà giá trị 10.150.000 đồng; Giếng nước trị giá 1000.000 đồng; Cống đựng nước mưa trị giá 1.000.000 đồng; Chuồng chăn nuôi lợp ngói trị giá 15.000.000 đồng; 01 xe máy Sym giá 3.000.000 đồng; 01 xe máy Wawe trị giá 7.000.000 đồng; 02 chiếc giường trị giá 4.000.000 đồng; Tủ đứng nhôm trị giá 1.000.000 đồng; 02 chiếc đệm trị giá 2.000.000 đồng; 01 tivi TCL kèm chảo và đầu thu trị giá 1.000.000 đồng; máy xắt rau trị giá 500.000 đồng; 02 lợn nái và 09 con lợn trị giá 3.000.000 đồng; Máy bơm nước trị giá 300.000 đồng; sân trước nhà trị giá 5.000.000 đồng; 01 xe lôi kéo, 02 xe bò trị giá 2.200.000 đồng; Tiền bán bò 34.000.000 đồng (Anh T giữ). Tổng giá trị tài sản 618.400.000 đồng.

Buộc anh Đinh Văn T phải trích chia giá trị tài sản cho chị Vũ Thị H số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng).

Tổng giá trị tài sản anh Đinh Văn T được hưởng 618.400.000 đồng - 200.000.000 đồng = 418.400.000 đồng.

Ngoài ra Bản án còn quyết định về nghĩa vụ của người phải chịu án phí, nghĩa vụ của người phải thi hành án dân sự và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 28 tháng 10 năm 2017 anh Đinh Văn T kháng cáo với nội dung: Về phân chia đất ở, đất vườn anh hoàn toàn phản đối và không bao giờ chấp nhận việc Tòa án nhân dân huyện D phân chia đất không dựa vào bất cứ một điều khoản nào của Luật đất đai, Luật thừa kế. Đề nghị cấp phúc thẩm không được phân chia tài sản (Đất đai). Việc phân chia tài sản chung yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại thật cụ thể và rõ ràng công khai, minh bạch đảm bảo quyền và nghĩa vụ cho các bên. Đối với con bò anh Tuyền bán 34 triệu nhưng anh T đã chi tiêu trong gia đình khi chị H về bên ngoại hết.

Tại phiên tòa phúc thẩm anh Đinh Văn T giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký tòa án và các bên đương sự chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Về nội dung: Không chấp nhận nội dung kháng cáo của anh T, giữ nguyên nội quyết định của bản án sơ thẩm về phần phân chia tài sản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự đã được thẩm tra, kết quả tranh luận và ý kiến Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tại phiên tòa phúc thẩm. Xét kháng cáo của anh Đinh Văn T, Hội đồng xét xử nhận định:

Anh Đinh Văn T và chị Vũ Thị H kết hôn với nhau năm 2003 trên cơ sở tình yêu tự nguyện. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách không phù hợp nên vợ chồng thường xuyên xảy ra bất hòa. Trong quá trình giải quyết vụ án chị H cho rằng mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức phải ly hôn và mong muốn đoàn tụ để nuôi dạy con cái. Mặc dù đã được hai bên gia đình, chính quyền và Tòa án hòa giải, phân tích nhưng chị H không khắc phục khuyết điểm và anh T kiên quyết ly hôn. Cấp sơ thẩm quyết định cho ly hôn giữa anh Đinh Văn T và chị Vũ Thị H và giao các con chung chưa thành niên cho anh T, chị H nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật.

Xét kháng cáo của anh Đinh Văn T:

Anh Đinh Văn T cho rằng, việc Tòa án cấp sơ thẩm phân chia tài sản chung của vợ chồng chưa công khai, minh bạch về phần đất ở. Thấy rằng, trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, anh T và chị H đều xác định: Trong thời gian sống chung, vợ chồng chị H, anh T tạo lập được số tài sản chung gồm: Ngôi nhà cấp bốn hai gian, nhà tắm cùng các công trình đi kèm và các loại tài sản khác kể cả tiền bán bò 34.000.000đ anh T đang quản lý tổng giá trị 158.150.000đ và xác định các khoản nợ chung của vợ chồng. Tại phiên tòa sơ thẩm cả anh T và chị H đều thống nhất nghĩa vụ của vợ chồng về các khoản nợ chung và chị H thống nhất giao toàn bộ tài sản chung của vợ chồng cho anh T sở hữu, sử dụng và anh T trích chia trị giá bằng tiền cho chị H. Do đó cấp sơ thẩm quyết định giao toàn bộ tài sản chung trị giá 158.150.000đ cho anh T sở hữu, sử dụng và trích chia trị giá cho chị H là phù hợp.

Đối với yêu cầu của anh Đinh Văn T về việc không được phân chia tài sản là đất đai thấy rằng: Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm cũng như tại cấp phúc thẩm: Vợ chồng ông Đinh Thái G, bà Nguyễn Thị Năm (Bố mẹ anh T) anh T và chị Vũ Thị H đều xác định; nguồn gốc thửa đất có nhà ở của vợ chồng anh T, chị H là của ông cha để lại. Năm 2013 vợ chồng ông G, bà Năm làm thủ tục cho anh Đinh Văn T đứng tên chủ sử dụng. Tại phiên tòa sơ thẩm anh Đinh Văn T cũng thừa nhận: Thửa đất thổ cư là đất hương hỏa của ông cha để lại, năm 2013 bố mẹ anh T làm thủ tục sang tên cho anh, nhưng khi kê khai đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do anh T tự thực hiện và tự đưa tên vợ chồng vào đơn đăng ký xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và vợ chồng chị H, anh T có thời gian sống trên thửa đất từ năm 2003 đến nay, nên cấp sơ thẩm xác định trị giá thửa đất là tài sản chung là có căn cứ.

Tuy nhiên, xét trong tổng trị giá tài sản của vợ chồng chủ yếu là trị giá quyền sử dụng đất có nguồn gốc là của bố mẹ anh T tặng cho, còn tổng trị giá tài các loại tài sản bao gồm, nhà, các công trình và các loại tài sản sinh hoạt khác do hai người tạo lập chỉ có tổng trị giá trên 158 triệu đồng. Hơn nữa sau khi ly hôn anh T phải nuôi 02 con nhỏ chưa yêu cầu chị H phải cấp dưỡng và hiện tại anh T cũng đang gặp nhiều khó khăn. Do đó cấp sơ thẩm quyết định giao toàn bộ tài sản chung của vợ chồng cho anh T sở hữu, sử dụng và anh T phải trích chia trị giá tài sản cho chị H tổng số tiền 200.000.000 đồng là có cao. Bởi vậy một phần nội dung kháng cáo của anh T là có cơ sở cần chấp nhận, sửa bản án sơ thẩm theo hướng, anh T trích chia trị giá tài sản cho chị H là 180.000.000 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm về trị giá tài sản mà các bên được chia nên cần sử án phí cho phù hợp.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo của anh T được chấp nhận một phần nên không phải chịu án phí phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm (Về quan hệ hôn nhân, quan hệ con chung và án phí ly hôn sơ thẩm) không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2006/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận một phần kháng cáo của anh Đinh Văn T. Sửa bản án sơ thẩm về chia tài sản chung. Tuyên xử:

1. Giao cho anh Đinh Văn T được sở hữu, sử dụng:

+ Thửa đất diện tích 657,5m^2 tại thửa đất số 29, tờ bản đồ số 44, thuộc xóm 1, xã D, huyện D theo GCN Quyền sử dụng đất số BS 222253 do UBND huyện D cấp ngày 17/10/2016 có giá 700.000đ/1m^2 x 657,5m^2 = 460.250.000đ.

+ Nhà ở cấp 4, 02 gian lợp ngói, lát gạch trị giá 56.000.000 đồng; Nhà tắm đổ bằng giá 8.000.000 đồng; Mái tôn sân trước và sau nhà giá trị 10.150.000 đồng; Giếng nước trị giá 1000.000 đồng; Cống đựng nước mưa trị giá 1.000.000 đồng; Chuồng chăn nuôi lợp ngói trị giá 15.000.000 đồng; 01 xe máy Sym giá 3.000.000 đồng; 01 xe máy Wawe trị giá 7.000.000 đồng; 02 chiếc giường trị giá 4.000.000 đồng; Tủ đứng nhôm trị giá 1.000.000 đồng; 02 chiếc đệm trị giá 2.000.000 đồng; 01 tivi TCL kèm chảo và đầu thu trị giá 1.000.000 đồng; máy xắt rau trị giá 500.000 đồng; 02 lợn nái và 09 con lợn trị giá 3.000.000 đồng; Máy bơm nước trị giá 300.000 đồng; sân trước nhà trị giá 5.000.000 đồng; 01 xe lôi kéo, 02 xe bò trị giá 2.200.000 đồng; Tiền bán bò 34.000.000 đồng (anh T giữ). Tổng giá trị tài sản 618.400.000 đồng.

(Thửa đất và các loại tài sản hiện đang do anh Đinh Văn T quản lý).

2. Buộc anh Đinh Văn T phải trích chia giá trị tài sản cho chị Vũ Thị H số tiền 180.000.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng).

Tổng giá trị tài sản anh Đinh Văn T được hưởng là 438.400.000 đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Anh Đinh Văn T phải chịu 21.536.000 đồng án phí chia tài sản.

3.2. Chị Vũ Thị H phải chịu 9.000.000 đồng án phí chia tài sản, nhưng được khấu trừ vào số tiền 12.300.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Nghệ An theo Biên lai thu số 0004191 ngày 21/6/2017 (Số tiền còn lại hoàn trả cho chị H).

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn trả cho anh Đinh Văn T 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Nghệ An theo Biên lai thu số 0004401 ngày 02/01/2018.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm (Về quan hệ hôn nhân, quan hệ con chung và án phí ly hôn sơ thẩm) không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- THADS H. D;
- TAND H. D;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Phấn